

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN VÀO LỚP 10 TRUNG HỌC PHỔ THÔNG CÔNG LẬP
NĂM HỌC: 2025-2026

(Kèm theo tờ trình 05/TTr-THPT NNT ngày 23 tháng 6 năm 2025 của trường THPT Nguyễn Ngọc Thắng)

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN THÍ SINH	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	TRƯỜNG THCS	Điểm U.T	Điểm KK	Điểm thi			Tổng điểm	Kết quả		GHI CHÚ	NƠI SINH
								Ngữ văn (chung)	Tiếng Anh (chung)	Toán (chung)		Đỗ	Hổng		
01	270001	Trần Công Phúc	An	Nam	Sơn Phú			04.75	02.50	04.15	11.40	Đ			Bến Tre
02	270002	Lê Hoài	An	Nam	Lương Phú			06.50	08.00	08.30	22.80	Đ			Bến Tre
03	270003	Phan Lê Tấn	An	Nam	Trường THCS Phước Long	1		05.00	01.75	04.85	12.60	Đ			Bến Tre
04	270004	Phan Thị Hà	An	Nữ	Trường Vĩnh Ký			05.25	06.25	06.85	18.35	Đ			Thành phố Hồ Chí Minh
05	270005	Võ Thị Thủy	An	Nữ	Sơn Phú			04.75	03.00	06.20	13.95	Đ			Bến Tre
06	270006	Đào Thiên	An	Nữ	Trường THCS Hưng Phong	1		05.50	07.25	08.05	21.80	Đ			Bến Tre
07	270007	Nguyễn Huỳnh Tố	Anh	Nữ	Trường THCS Phước Long			03.75	02.50	04.15	10.40	Đ			Bến Tre
08	270008	Nguyễn Lê Lan	Anh	Nữ	Hoàng Lam			04.75	04.50	03.85	13.10	Đ			Cần Thơ
09	270009	Nguyễn Lê Quỳnh	Anh	Nữ	Lương Phú			05.25	06.75	05.10	17.10	Đ			Bến Tre
10	270010	Hồ Ngọc	Anh	Nữ	Tân Lợi Thanh			06.75	05.50	06.65	18.90	Đ			Bến Tre
11	270011	Phạm Ngọc Lan	Anh	Nữ	Trường THCS Phước Long			05.50	07.25	08.75	21.50	Đ			Bến Tre
12	270012	Phạm Thị Kim	Anh	Nữ	THCS Thanh Phú Đông			07.00	04.50	05.45	16.95	Đ			Bến Tre
13	270013	Võ Thị Quỳnh	Anh	Nữ	Trường THCS Hoàng Lam			07.50	09.50	09.05	26.05	Đ			Bến Tre
14	270014	Nguyễn Trần Quỳnh	Anh	Nữ	Trường THCS Hưng Phong	1		04.75	03.00	07.25	16.00	Đ			Bến Tre
15	270015	Trần Văn Quốc	Anh	Nam	Trường THCS Hưng Phong	1		04.25	02.50	06.45	14.20	Đ			Bến Tre
16	270016	Lâm Võ Tuấn	Anh	Nam	Lương Phú			05.25	05.50	08.30	19.05	Đ			Bến Tre
17	270017	Đặng Gia	Bảo	Nam	Lương Phú			03.50	03.25	06.45	13.20	Đ			Hậu Giang
18	270018	Huỳnh Gia	Bảo	Nam	Sơn Phú			04.00	06.75	07.35	18.10	Đ			Bến Tre
19	270019	Kiều Gia	Bảo	Nam	Lương Phú		1	03.75	04.75	07.30	16.80	Đ			Bến Tre
20	270020	Phan Gia	Bảo	Nam	Trường THCS Hưng Phong	1		05.25	01.25	05.10	12.60	Đ			Thành phố Hồ Chí Minh
21	270021	Nguyễn Quốc	Bảo	Nam	THCS Thanh Phú Đông			06.75	05.25	07.85	19.85	Đ			Bến Tre
22	270022	Nguyễn Văn Hoài	Bảo	Nam	Trường THCS Phước Long			07.00	03.75	07.75	18.50	Đ			Bến Tre
23	270023	Lê Xuân Vũ	Bảo	Nam	THCS Thanh Phú Đông			06.75	09.75	08.55	25.05	Đ			Bến Tre
24	270024	Nguyễn Hoài	Bắc	Nam	THCS Thanh Phú Đông			06.00	06.75	09.00	21.75	Đ			Bến Tre
25	270025	Nguyễn Ngọc Khánh	Bắc	Nam	THCS Thanh Phú Đông			07.00	07.50	07.75	22.25	Đ			Bến Tre
26	270026	Lê Ngọc Tuyết	Bắc	Nữ	Trường THCS Phước Long			03.00	04.25	07.10	14.35	Đ			Bến Tre
27	270027	Trương Ngọc	Bình	Nữ	Trường THCS Phước Long			06.50	03.75	06.10	16.35	Đ			Bến Tre
28	270028	Nguyễn Ngọc Thanh	Bình	Nữ	Sơn Phú			03.00	04.25	04.70	11.95	Đ			Bình Dương
29	270029	Nguyễn Thị Như	Bình	Nữ	Sơn Phú			05.25	02.00	03.75	11.00	Đ			Bến Tre
30	270030	Lý Thanh	Boss	Nam	Trường THCS Phước Long			03.75	03.50	04.45	11.70	Đ			Bến Tre

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN THÍ SINH	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	TRƯỜNG THCS	Điểm UT	Điểm KK	Điểm thi			Tổng điểm	Kết quả		GHI CHÚ	NƠI SINH
								Ngữ văn (chung)	Tiếng Anh (chung)	Toán (chung)		Đỗ	Hổng		
31	270031	Lê Thị Kim	15/12/2010	Nữ	Sơn Phú			04.00	03.25	03.15	10.40	Đ			Bến Tre
32	270032	Võ Thị Kim	18/05/2010	Nữ	Trường THCS Phước Long			05.50	02.25	06.40	14.15	Đ			Bến Tre
33	270033	Nguyễn Chí	28/01/2010	Nam	Trường THCS Hưng Phong	1		03.75	03.50	07.00	15.25	Đ			Bến Tre
34	270034	Nguyễn Chí	17/06/2010	Nam	Trường THCS Thuận Điền			05.50	06.25	06.45	18.20	Đ			Bến Tre
35	270035	Phạm Thái Minh	09/03/2010	Nữ	THCS Thanh Phú Đông			05.50	04.25	06.65	16.40	Đ			Trà Vinh
36	270036	Phạm Thành	24/08/2010	Nam	Trường THCS Hưng Phong	1		04.00	02.50	04.35	11.85	Đ			Bến Tre
37	270037	Phạm Ngọc	02/11/2010	Nữ	Lương Phú			04.75	03.75	06.70	15.20	Đ			Bến Tre
38	270038	Trần Bảo	22/10/2010	Nam	Trường THCS Thuận Điền			04.00	05.50	07.15	16.65	Đ			Tây Ninh
39	270039	Nguyễn Khánh	11/02/2010	Nam	Trường THCS Phước Long			05.00	03.50	06.80	15.30	Đ			Bến Tre
40	270040	Phan Ngọc Kiều	21/01/2010	Nữ	THCS Thanh Phú Đông			05.25	02.75	07.30	15.30	Đ			Bến Tre
41	270041	Phan Thị Mỹ	04/09/2010	Nữ	Trường THCS Phước Long			04.17	03.00	04.40	11.57	Đ			Bến Tre
42	270042	Đặng Đình	02/07/2010	Nữ	Trường THCS Thuận Điền			05.50	04.00	06.40	15.90	Đ			Thành phố Hồ Chí Minh
43	270043	Phạm Anh	22/01/2010	Nữ	Hoàng Lam			03.25	02.50	02.20	07.95		H		Bến Tre
44	270044	Đỗ Thành	23/04/2010	Nam	Lương Phú		1	02.75	02.00	04.55	10.30	Đ			Bến Tre
45	270045	Phạm Lê Minh	01/02/2010	Nam	THCS Thanh Phú Đông			05.50	03.50	07.60	16.60	Đ			Bến Tre
46	270046	Nguyễn Võ Tâm	11/11/2010	Nữ	Hoàng Lam			02.25	02.25	01.95	06.45		H		Thành phố Hồ Chí Minh
47	270047	Lê Minh	05/09/2010	Nam	Trường THCS Phước Long			04.25	02.00	04.80	11.05	Đ			Bến Tre
48	270048	Hồ Nguyễn Trường	30/11/2010	Nam	Trường THCS Phước Long			05.25	04.25	06.65	16.15	Đ			Bến Tre
49	270049	Võ Thị Ngân	24/03/2010	Nữ	Trường THCS Phước Long			07.50	06.00	07.30	20.80	Đ			Bến Tre
50	270050	Lê Nguyễn Ngọc	02/02/2010	Nữ	Trường THCS Hoàng Lam			04.25	02.50	03.80	10.55	Đ			Bến Tre
51	270051	Nguyễn Nhứt	05/05/2010	Nam	Sơn Phú			04.25	02.00	04.75	11.00	Đ			Bến Tre
52	270052	Đoàn Châu	13/08/2010	Nữ	Trường THCS Hoàng Lam			05.50	07.25	05.45	18.20	Đ			Bến Tre
53	270053	Phạm Huỳnh Bảo	27/08/2010	Nữ	Trường THCS Hưng Phong	1		06.00	02.25	07.25	16.50	Đ			Bến Tre
54	270054	Nguyễn Lê Ngọc	15/02/2010	Nữ	Lương Phú			06.75	06.00	06.95	19.70	Đ			Bến Tre
55	270055	Dương Ngọc	27/07/2010	Nữ	Trường THCS Thuận Điền			08.50	08.75	09.35	26.60	Đ			Bến Tre
56	270056	Nguyễn Ngọc Mai	29/03/2010	Nữ	Trường TH - THCS Nhơn Thanh			06.50	03.50	05.75	15.75	Đ			Bến Tre
57	270057	Đỗ Phạm Ngọc	15/03/2010	Nữ	Trường THCS Hoàng Lam			03.75	03.50	06.20	13.45	Đ			Bến Tre
58	270058	Đoàn Thị Ngọc	19/09/2010	Nữ	Trường THCS Phước Long			05.50	01.50	06.15	13.15	Đ			Bến Tre
59	270059	Phạm Huỳnh Ngọc	07/11/2010	Nữ	Sơn Phú			02.75	01.50	01.85	06.10		H		Bình Phước
60	270060	Lâm Minh	19/10/2010	Nam	Trường THCS Hưng Phong	1		03.75	02.25	03.95	10.95	Đ			Bến Tre
61	270061	Đoàn Nguyễn Minh	17/01/2010	Nam	Sơn Phú			02.75	02.00	07.15	11.90	Đ			Bến Tre
62	270062	Nguyễn Trung	15/10/2010	Nam	Lương Phú			03.50	01.75	03.20	08.45	Đ			Thành phố Hồ Chí Minh
63	270063	Nguyễn Gia	18/02/2010	Nam	THCS Thanh Phú Đông			06.00	03.75	06.00	15.75	Đ			Bến Tre
64	270064	Nguyễn	23/02/2010	Nam	Sơn Phú			05.50	05.50	04.65	15.65	Đ			Thành phố Hồ Chí Minh
65	270065	Ngô Khánh	09/07/2010	Nữ	Trường THCS Phước Long			06.75	04.00	07.15	17.90	Đ			Bến Tre
66	270066	Đoàn Võ Kim	25/07/2010	Nữ	Sơn Phú			04.25	03.25	06.15	13.65	Đ			Đồng Tháp
67	270067	Nguyễn Mạnh	21/12/2010	Nam	Hoàng Lam			02.00	03.00	02.60	07.60		H		Bến Tre

STT	SBD	HQ VÀ TÊN THÍ SINH	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	TRƯỜNG THCS	Điểm UT	Điểm KK	Điểm thi			Tổng điểm	Kết quả		GHI CHÚ	NƠI SINH
								Ngữ văn (chung)	Tiếng Anh (chung)	Toán (chung)		Đỗ	Hóng Vọng		
68	270068	Nguyễn Hùng Nhật	Huy	Nam	Trường THCS Phước Long			06.25	04.25	07.35	17.85	Đ			Thành phố Hồ Chí Minh
69	270069	Nguyễn Phạm Thanh	Huy	Nam	Trường THCS Phước Long			06.50	04.25	08.65	19.40	Đ			Bến Tre
70	270070	Nguyễn Tấn	Huy	Nam	Trường THCS Hưng Phong	1		06.00	03.50	06.40	16.90	Đ			Bến Tre
71	270071	Quách Tuấn	Huy	Nam	Trường THCS Phước Long			05.25	05.25	06.75	17.25	Đ			Đồng Nai
72	270072	Nguyễn Thị Kim	Huyền	Nữ	Trường THCS Phước Long			06.75	05.50	07.75	20.00	Đ			Bến Tre
73	270073	Nguyễn Đức Tấn	Hưng	Nam	Sơn Phú			01.75	06.75	03.00	11.50	Đ			Thừa Thiên - Huế
74	270074	Cao Thị Xuân	Hương	Nữ	Trường THCS Hoàng Lam			06.75	07.50	08.25	22.50	Đ			Bến Tre
75	270075	Lê Thị Cẩm	Hường	Nữ	Hoàng Lam			03.00	02.25	05.85	11.10	Đ			Bến Tre
76	270076	Lê Trọng	Kiên	Nam	Lương Phú			04.50	01.50	04.50	10.50	Đ			Bến Tre
77	270077	Lê Tuấn	Kiệt	Nam	Trường THCS Thuận Điền			05.25	04.25	08.55	18.05	Đ			Bình Dương
78	270078	Nguyễn Tuấn	Kiệt	Nam	Trường THCS Thuận Điền			02.25	03.75	08.00	14.00	Đ			Bến Tre
79	270079	Nguyễn Thị Thúy	Kiều	Nữ	Lương Phú	1		06.25	04.25	06.20	17.70	Đ			Đồng Nai
80	270080	Lê Phạm Quốc	Kha	Nam	THCS Thanh Phú Đông			04.50	06.75	07.40	18.65	Đ			Vĩnh Long
81	270081	Lương Quốc	Kha	Nam	Lương Phú			06.25	07.00	08.55	21.80	Đ			Bến Tre
82	270082	Lương Vỹ	Kha	Nam	Trường THCS Phước Long			05.25	06.50	07.55	19.30	Đ			Bến Tre
83	270083	Nguyễn Duy	Khang	Nam	THCS Thanh Phú Đông		0.5	08.00	07.50	08.35	24.35	Đ			Bến Tre
84	270084	Trần Duy	Khang	Nam	Lương Phú			05.50	06.25	09.80	21.55	Đ			Bến Tre
85	270085	Võ Hoàng	Khang	Nam	Lương Phú			02.50	05.00	05.85	13.35	Đ			Bến Tre
86	270086	Nguyễn Hoàng Vĩnh	Khang	Nam	Trường THCS Phước Long			05.25	07.25	08.05	20.55	Đ			Ninh Thuận
87	270087	Trần Nhựt	Khang	Nam	Trường THCS Hoàng Lam			06.25	06.75	07.30	20.30	Đ			Bến Tre
88	270088	Phan Tấn	Khang	Nam	Trường THCS Phước Long			00.25	03.00	03.20	06.45		H		Bến Tre
89	270089	Phạm Tuấn	Khang	Nam	Sơn Phú			05.00	05.50	06.70	17.20	Đ			Bến Tre
90	270090	Lê Minh	Khiết	Nam	Sơn Phú			05.00	05.25	05.70	15.95	Đ			Bến Tre
91	270091	Hà Công	Khoa	Nam	Trường THCS Phước Long			05.75	06.00	07.75	19.50	Đ			Bến Tre
92	270092	Lê Anh	Khôi	Nam	Trường THCS Phước Long			04.75	04.00	05.85	14.60	Đ			Bến Tre
93	270093	Lê Minh	Khôi	Nam	Lương Phú			07.50	08.50	08.30	24.30	Đ			Bến Tre
94	270094	Nguyễn Minh	Khôi	Nam	THCS Thanh Phú Đông			05.75	06.00	07.60	19.35	Đ			Bến Tre
95	270095	Lê Võ Đăng	Khôi	Nam	Sơn Phú			04.00	03.25	04.25	11.50	Đ			Bến Tre
96	270096	Nguyễn Chí	Khương	Nam	Trường THCS Phước Long			04.25	03.00	03.75	11.00	Đ			Bến Tre
97	270097	Hồ Mạnh	Khương	Nam	Trường THCS Phước Long			06.25	07.25	09.25	22.75	Đ			Bến Tre
98	270098	Trần Thị Nhã	Khương	Nữ	Trường THCS Hoàng Lam			06.75	08.00	08.25	23.00	Đ			Bến Tre
99	270099	Trần Đăng Thanh	Lam	Nữ	THCS Thanh Phú Đông			05.25	02.50	05.55	13.30	Đ			Bến Tre
100	270100	Trần Ngọc Tường	Lam	Nữ	Hoàng Lam			04.00	05.00	02.85	11.85	Đ			Bến Tre
101	270101	Trần Ngọc Tường	Lam	Nữ	THCS Thanh Phú Đông			04.50	03.00	05.55	13.05	Đ			Bến Tre
102	270102	Nguyễn Thị Tuyết	Lam	Nữ	THCS Thanh Phú Đông			04.42	09.25	08.10	21.77	Đ			Bến Tre
103	270103	Đỗ Kim	Lan	Nữ	THCS Thanh Phú Đông			04.25	03.00	05.10	12.35	Đ			Bến Tre
104	270104	Hồ Hoàng	Lâm	Nam	Trường THCS Phước Long			06.50	03.50	07.60	17.60	Đ			Bến Tre
105	270105	Nguyễn Hồng Kiều	Loan	Nữ	Hoàng Lam			04.50	04.25	02.05	10.80	Đ			Bến Tre

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN THÍ SINH	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	TRƯỜNG THCS	Điểm UT	Điểm KK	Điểm thi			Tổng điểm	Kết quả		GHI CHÚ	NƠI SINH
								Ngữ văn (chung)	Tiếng Anh (chung)	Toán (chung)		Đỗ	Hổng		
106	270106	Nguyễn Hoàng Bảo	Long	05/02/2010	Nam	Trường THCS Phước Long		04.75	03.25	07.60	15.60	Đ			Bến Tre
107	270107	Võ Huỳnh Gia	Long	07/09/2010	Nam	Sơn Phú		03.00	03.50	05.75	12.25	Đ			Bến Tre
108	270108	Trần Nguyễn Hoàng	Long	03/04/2010	Nam	Lương Phú		05.75	06.75	07.10	19.60	Đ			Bến Tre
109	270109	Lê Châu Hữu	Lộc	15/07/2010	Nam	THCS Thanh Phú Đông		03.50	08.25	06.50	18.25	Đ			Bến Tre
110	270110	Cù Minh	Luân	26/11/2010	Nam	Trường THCS Phước Long		04.50	03.50	05.00	13.00	Đ			Bến Tre
111	270111	Nguyễn Thị Trúc	Ly	03/08/2010	Nữ	Trường THCS Hoàng Lam		05.25	05.25	05.80	16.30	Đ			Bến Tre
112	270112	Phạm Đăng Xuân	Mai	21/05/2010	Nữ	Trường THCS Phước Long		05.00	02.25	06.00	13.25	Đ			Bến Tre
113	270113	Lê Thị Tuyết	Mai	30/11/2010	Nữ	Sơn Phú		04.00	04.00	03.65	11.65	Đ			Kiên Giang
114	270114	Lê Gia	Mẫn	02/03/2010	Nữ	Sơn Phú	1	05.00	04.00	05.80	15.80	Đ			Bến Tre
115	270115	Nguyễn Thị Bảo	Mi	05/05/2010	Nữ	Lương Phú		05.00	08.00	09.55	22.55	Đ			Bến Tre
116	270116	Đặng Đăng	Minh	10/01/2010	Nam	THCS Thanh Phú Đông		05.50	04.25	09.00	18.75	Đ			Bến Tre
117	270117	Phạm Thảo	My	04/06/2010	Nữ	Sơn Phú		03.50	04.25	04.95	12.70	Đ			Bến Tre
118	270118	Lê Thị Diễm	My	18/08/2010	Nữ	Trường THCS Phước Long		05.25	03.50	07.55	16.30	Đ			Bến Tre
119	270119	Lâm Thị Trà	My	02/05/2010	Nữ	Trường THCS Thuận Điền		06.75	04.50	06.90	18.15	Đ			Tiền Giang
120	270120	Lê Thị Trà	My	25/10/2010	Nữ	Trường THCS Hưng Phong	1	05.75	03.50	09.50	19.75	Đ			Bến Tre
121	270121	Nguyễn Thị Ngọc	Mỹ	07/09/2010	Nữ	Trường THCS Phước Long		03.58	02.50	04.65	10.73	Đ			Bến Tre
122	270122	Nguyễn Thị Ly	Na	29/03/2010	Nữ	THCS Thanh Phú Đông		04.00	07.00	05.15	16.15	Đ			Bến Tre
123	270123	Lê Ngọc Hoài	Nam	28/04/2010	Nam	Trường THCS Phước Long		05.00	05.25	07.35	17.60	Đ			Bến Tre
124	270124	Nguyễn Thành	Nam	08/09/2010	Nam	Trường THCS Phước Long		06.25	04.50	07.50	18.25	Đ			Bến Tre
125	270125	Bùi Thị Bích	Nga	22/09/2010	Nữ	Trường THCS Phước Long	1	03.75	01.75	02.85	09.35	Đ			Bến Tre
126	270126	Nguyễn Kim	Ngân	29/01/2010	Nữ	Trường THCS Hưng Phong	1	05.25	03.00	05.55	14.80	Đ			Đông Tháp
127	270127	Nguyễn Lê Kim	Ngân	09/05/2010	Nữ	Trường THCS Phước Long		05.25	05.25	05.50	16.00	Đ			Bến Tre
128	270128	Trương Lê Kim	Ngân	25/02/2010	Nữ	THCS Thanh Phú Đông		06.75	05.75	07.80	20.30	Đ			Bến Tre
129	270129	Nguyễn Ngọc Thảo	Ngân	05/01/2010	Nữ	Sơn Phú		04.25	03.50	04.95	12.70	Đ			Bến Tre
130	270130	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	07/09/2010	Nữ	Trường THCS Hưng Phong	1	07.50	08.50	09.30	26.30	Đ			Bến Tre
131	270131	Lê Phương	Nghi	13/04/2010	Nữ	Trường THCS Thuận Điền		05.75	03.50	05.05	14.30	Đ			Bến Tre
132	270132	Trần Quốc	Nghi	16/07/2010	Nam	Trường THCS Phước Long		04.25	01.50	01.45	07.20		H		Bến Tre
133	270133	Nguyễn Thị Xuân	Nghi	01/01/2010	Nữ	Trường THCS Hoàng Lam		06.00	02.75	06.45	15.20	Đ			Bến Tre
134	270134	Nguyễn Tín	Nghĩa	25/04/2010	Nam	Lương Phú		06.25	08.75	09.05	24.05	Đ			Bến Tre
135	270135	Phạm Trọng	Nghĩa	28/11/2010	Nam	Trường THCS Hoàng Lam		03.00	04.00	04.70	11.70	Đ			Bến Tre
136	270136	Võ Hoàng Bảo	Ngọc	08/01/2010	Nữ	Trường THCS Hoàng Lam		07.83	06.25	08.00	22.08	Đ			Bến Tre
137	270137	Lê Hoàng Diễm	Ngọc	04/01/2010	Nữ	Lương Phú		05.50	03.00	06.30	14.80	Đ			Bến Tre
138	270138	Đoàn Khánh	Ngọc	02/02/2010	Nữ	Sơn Phú		04.50	04.50	03.85	12.85	Đ			Bến Tre
139	270139	Nguyễn Lê Thanh	Ngọc	17/07/2010	Nữ	Lương Phú		05.67	07.50	06.15	19.32	Đ			Bến Tre
140	270140	Nguyễn Thị Anh	Ngọc	21/06/2010	Nữ	Trường THCS Hưng Phong	1	05.25	04.75	07.00	18.00	Đ			Bến Tre
141	270141	Nguyễn Thị Bảo	Ngọc	20/07/2010	Nữ	Trường THCS Phước Long		02.75	01.50	03.30	07.55		H		Bến Tre
142	270142	Trần Thị Bảo	Ngọc	05/09/2010	Nữ	Lương Phú		06.75	07.75	07.80	22.30	Đ			Bến Tre
143	270143	Nguyễn Thị Cẩm	Ngọc	19/03/2010	Nữ	Trường THCS Phước Long		06.75	05.00	08.25	20.00	Đ			Bến Tre

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN THÍ SINH	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	TRƯỜNG THCS	Điểm UT	Điểm KK	Điểm thi			Tổng điểm	Kết quả		GHI CHÚ	NƠI SINH
								Ngữ văn (chung)	Tiếng Anh (chung)	Toán (chung)		Đỗ	Hổng		
144	270144	Nguyễn Thị Kim Ngọc	03/01/2010	Nữ	Trường THCS Phước Long			06.50	06.00	07.80	20.30	Đ			Bến Tre
145	270145	Nguyễn Thị Khánh Ngọc	16/04/2010	Nữ	Trường THCS Hoàng Lam			04.25	06.00	06.45	16.70	Đ			Bến Tre
146	270146	Phạm Thị Khánh Ngọc	15/06/2010	Nữ	Trường THCS Hoàng Lam			06.75	08.25	08.05	23.05	Đ			Bến Tre
147	270147	Lê Thị Thảo Ngọc	24/02/2010	Nữ	Lương Phú			04.25	03.25	05.30	12.80	Đ			Bến Tre
148	270148	Võ Hạnh Nguyễn	05/09/2010	Nữ	Trường THCS Phước Long			02.75	03.75	07.25	13.75	Đ			Bến Tre
149	270149	Lê Phan Phúc Nguyễn	10/07/2010	Nữ	Trường THCS Phước Long			05.25	06.25	07.05	18.55	Đ			Bến Tre
150	270150	Vân Vương Lộc Nguyễn	12/09/2010	Nam	Son Phú			03.00	05.00	04.80	12.80	Đ			Bình Định
151	270151	Đặng Thị Thanh Nhân	15/02/2010	Nữ	Trường THCS Hưng Phong	1		05.25	03.00	04.15	13.40	Đ			Bến Tre
152	270152	Huỳnh Minh Nhật	06/06/2010	Nam	Trường THCS Phước Long			04.25	02.00	04.95	11.20	Đ			Bến Tre
153	270153	Nguyễn Ngọc Nhi	20/02/2010	Nữ	Lương Phú			04.75	03.00	04.85	12.60	Đ			Bến Tre
154	270154	Huỳnh Thị Mỹ Nhi	29/07/2010	Nữ	Lương Phú			05.25	05.75	06.95	17.95	Đ			Bến Tre
155	270155	Bùi Thị Thủy Nhung	21/11/2010	Nữ	THCS Thanh Phú Đông			04.75	03.75	06.20	14.70	Đ			Bến Tre
156	270156	Lê Huỳnh Như	07/12/2010	Nữ	Son Phú			03.75	04.75	06.60	15.10	Đ			Bến Tre
157	270157	Võ Huỳnh Như	26/04/2010	Nữ	Son Phú			05.75	08.75	05.80	20.30	Đ			Bến Tre
158	270158	Đỗ Lê Quỳnh Như	28/06/2010	Nữ	Son Phú			06.50	05.25	07.80	19.55	Đ			Bến Tre
159	270159	Nguyễn Ngọc Huỳnh Như	22/04/2010	Nữ	THCS Thanh Phú Đông			05.00	04.75	06.15	15.90	Đ			Bến Tre
160	270160	Trần Minh Nhứt	06/07/2010	Nam	Trường THCS Phước Long			02.50	02.50	03.95	08.95	Đ			Bến Tre
161	270161	Nguyễn Văn Long Nhứt	13/11/2010	Nam	Trường THCS Phước Long			02.75	06.25	08.75	17.75	Đ			Bến Tre
162	270162	Võ Trương Phát	21/04/2010	Nam	Trường THCS Phước Long			05.75	05.50	07.80	19.05	Đ			Bến Tre
163	270163	Lê Ngọc Linh Phi	17/09/2010	Nữ	Trường THCS Thuận Điền			05.00	05.00	07.60	17.60	Đ			Bến Tre
164	270164	Hứa Nguyễn Chấn Phong	14/10/2010	Nam	Trường THCS Phước Long			04.75	05.25	07.35	17.35	Đ			Bến Tre
165	270165	Lê Vũ Phong	07/02/2010	Nam	Trường THCS Phước Long			05.25	02.75	05.95	13.95	Đ			Bến Tre
166	270166	Phan Đào Gia Phú	15/09/2009	Nam	Lương Phú			03.00	08.25	07.15	18.40	Đ			Bình Phước
167	270167	Phan Thiên Phú	08/03/2010	Nam	Trường THCS Hưng Phong	1		04.75	05.00	08.00	18.75	Đ			Bến Tre
168	270168	Phạm Văn Phú	09/10/2010	Nam	Trường THCS Phước Long			02.00	03.75	03.75	09.50	Đ			Bến Tre
169	270169	Đoàn Gia Phúc	22/01/2010	Nam	Trường THCS Hưng Phong	1		03.50	02.50	04.55	11.55	Đ			Thành phố Hồ Chí Minh
170	270170	Hứa Minh Phúc	02/12/2010	Nam	Trường THCS Phước Long			01.50	03.00	04.80	09.30	Đ			Bến Tre
171	270171	Hồ Phạm Gia Phúc	31/07/2010	Nam	Son Phú			06.00	03.50	04.30	13.80	Đ			Bến Tre
172	270172	Đặng Trần Minh Phúc	23/03/2010	Nam	Trường THCS Phước Long			06.50	04.50	06.65	17.65	Đ			Bến Tre
173	270173	Nguyễn Minh Phụng	01/01/2010	Nam	Lương Phú			05.25	06.00	08.00	19.25	Đ			Bến Tre
174	270174	Nguyễn Thị Kim Phụng	18/03/2010	Nữ	THCS Thanh Phú Đông			07.00	06.00	05.95	18.95	Đ			Bến Tre
175	270175	Bùi Thị Tiểu Phụng	09/12/2010	Nữ	THCS Thanh Phú Đông			06.25	03.75	04.70	14.70	Đ			Bến Tre
176	270176	Đoàn Thị Hiền Phương	04/04/2010	Nữ	Trường THCS Phước Long			05.75	01.75	05.15	12.65	Đ			Bến Tre
177	270177	Nguyễn Văn Quý	14/09/2010	Nam	Trường THCS Phước Long			04.75	05.25	04.60	14.60	Đ			Bến Tre
178	270178	Ngô Thị Phương Quyên	07/04/2010	Nữ	Son Phú	1		06.00	04.75	06.90	18.65	Đ			Bến Tre
179	270179	Huỳnh Xuân Quyên	21/12/2010	Nữ	THCS Thanh Phú Đông			03.75	03.75	03.45	10.95	Đ			Bến Tre
180	270180	Lê Như Quỳnh	21/01/2010	Nữ	THCS Thanh Phú Đông			08.00	07.50	07.60	23.10	Đ			Bến Tre
181	270181	Lương Thị Phương Quỳnh	18/07/2010	Nữ	Lương Phú			05.75	04.25	05.85	15.85	Đ			Bến Tre

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN THÍ SINH	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	TRƯỜNG THCS	Điểm UT	Điểm KK	Điểm thi			Tổng điểm	Kết quả		GHI CHÚ	NƠI SINH
								Ngữ văn (chung)	Tiếng Anh (chung)	Toán (chung)		Đỗ	Hổng Vọng		
182	270182	Nguyễn Thị Sương	29/06/2010	Nữ	Sơn Phú			05.50	03.75	06.30	15.55	Đ			Bến Tre
183	270183	Nguyễn Cao Sang	28/01/2010	Nam	Lương Phú			04.25	05.50	07.75	17.50	Đ			Bến Tre
184	270184	Nguyễn Thái Sơn	12/05/2010	Nam	Sơn Phú			06.00	07.50	06.85	20.35	Đ			Bến Tre
185	270185	Bùi Hữu Tài	04/06/2010	Nam	Trường THCS Phước Long			05.50	03.25	05.85	14.60	Đ			Bến Tre
186	270186	Hà Chí Tâm	11/02/2010	Nam	Sơn Phú			05.25	05.25	06.70	17.20	Đ			Bến Tre
187	270187	Nguyễn Hạnh Tâm	26/07/2010	Nữ	Trường THCS Thuận Điền			05.08	08.50	09.10	22.68	Đ			Bến Tre
188	270188	Nguyễn Thiện Tâm	21/11/2010	Nam	Trường THCS Hoàng Lam			06.75	07.00	08.30	22.05	Đ			Bến Tre
189	270189	Võ Thiện Tâm	17/12/2010	Nam	Lương Phú			00.00	00.00	00.00	00.00		H		Bến Tre
190	270190	Nguyễn Hiếu Tân	22/10/2010	Nam	TH-THCS Nhơn Thạnh			03.00	04.25	05.10	12.35	Đ			Bến Tre
191	270191	Nguyễn Thị Cẩm Tiên	26/01/2010	Nữ	THCS Thanh Phú Đông			07.00	08.00	08.80	23.80	Đ			Bến Tre
192	270192	Phan Thị Cẩm Tiên	01/06/2010	Nữ	Lương Phú			07.25	05.75	08.05	21.05	Đ			Bến Tre
193	270193	Nguyễn Thị Ngọc Tiên	12/05/2010	Nữ	Lương Phú			07.25	04.50	07.55	19.30	Đ			Bến Tre
194	270194	Lê Trung Tín	16/08/2010	Nam	Sơn Phú			07.00	05.50	05.90	18.40	Đ			Bến Tre
195	270195	Dương Nguyễn Minh Toàn	27/04/2010	Nam	Lương Phú			07.25	08.25	09.30	24.80	Đ			Bến Tre
196	270196	Phan Ngọc Tú	13/03/2010	Nữ	Trường THCS Hưng Phong	1		05.75	04.75	07.30	18.80	Đ			Bến Tre
197	270197	Phan Ngọc Khả Tú	12/11/2010	Nữ	Trường THCS Phước Long			06.75	06.00	09.00	21.75	Đ			Bến Tre
198	270198	Trần Thị Ngọc Tú	19/12/2009	Nữ	Trường THCS Phước Long			04.83	03.25	03.65	11.73	Đ			Bến Tre
199	270199	Phan Quý Tuấn	26/01/2010	Nam	Trường THCS Phước Long			05.25	04.50	07.55	17.30	Đ			Bến Tre
200	270200	Danh Quốc Tuấn	17/03/2010	Nam	Trường THCS Phước Long	1		03.00	01.25	02.25	07.50		H		Bến Tre
201	270201	Đặng Thị Bích Tuyền	30/01/2010	Nữ	Trường THCS Phước Long			04.00	01.75	02.50	08.25	Đ			Bến Tre
202	270202	Phan Thị Thanh Tuyền	20/11/2010	Nữ	Trường THCS Phước Long			03.75	04.00	04.15	11.90	Đ			Bến Tre
203	270203	Nguyễn Ngọc Cát Tường	08/12/2009	Nữ	Trường THCS Hoàng Lam			05.50	06.00	05.30	16.80	Đ			Đồng Nai
204	270204	Nguyễn Hoàng Thái	18/01/2010	Nam	Lương Phú			04.25	03.25	02.95	10.45	Đ			Bến Tre
205	270205	Phan Ngọc Thái	22/09/2010	Nam	Trường THCS Hưng Phong	1		03.00	03.50	04.85	12.35	Đ			Bến Tre
206	270206	Nguyễn Phạm Quốc Thái	01/01/2010	Nam	Trường THCS Thuận Điền			04.00	01.50	05.65	11.15	Đ			Bến Tre
207	270207	Lê Quốc Thái	01/09/2010	Nam	Hoàng Lam	1		02.50	02.25	03.65	09.40	Đ			Kiên Giang
208	270208	Trần Quốc Thái	06/09/2010	Nam	Lương Phú			03.92	06.75	06.40	17.07	Đ			Bến Tre
209	270209	Nguyễn Hoàng Duy Thanh	16/05/2010	Nam	Lương Phú			05.58	08.50	09.35	23.43	Đ			Bến Tre
210	270210	Trần Quang Thanh	07/01/2008	Nam	Lương Phú			04.75	05.75	04.70	15.20	Đ			Bến Tre
211	270211	Thạch Lê Lộc Thảo	13/05/2010	Nữ	Sơn Phú			04.50	04.75	06.80	16.05	Đ			Bến Tre
212	270212	Nguyễn Phương Thảo	06/09/2010	Nữ	Trường THCS Hoàng Lam			05.50	05.50	07.60	18.60	Đ			Bến Tre
213	270213	Vương Phương Thảo	21/10/2010	Nữ	Trường THCS Hoàng Lam			06.58	09.50	07.55	23.63	Đ			Bến Tre
214	270214	Nguyễn Thanh Thảo	10/07/2010	Nữ	Lương Phú			06.75	08.75	05.65	21.15	Đ			Thành phố Hồ Chí Minh
215	270215	Huỳnh Thị Phương Thảo	16/07/2010	Nữ	Trường THCS Phước Long			04.00	04.50	03.90	12.40	Đ			Bến Tre
216	270216	Nguyễn Cao Thắng	22/06/2010	Nam	THCS Thanh Phú Đông			04.75	08.00	08.80	21.55	Đ			Bến Tre
217	270217	Phan Thị Ái Thi	12/09/2010	Nữ	THCS Thanh Phú Đông			06.75	07.00	07.80	21.55	Đ			Bến Tre
218	270218	Nguyễn Thị Bảo Thi	27/10/2010	Nữ	Sơn Phú			06.25	04.00	08.10	18.35	Đ			Bến Tre
219	270219	Đặng Hữu Thiện	16/11/2010	Nam	Trường THCS Hoàng Lam			06.00	08.25	09.25	23.50	Đ			Bến Tre

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN THÍ SINH	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	TRƯỜNG THCS	Điểm UT	Điểm KK	Điểm thi			Tổng điểm	Kết quả		GHI CHÚ	NƠI SINH
								Ngữ văn (chung)	Tiếng Anh (chung)	Toán (chung)		Đỗ	Hổng		
220	270220	Trần Phạm Trường	Thịnh	Nam	Hoàng Lam			03.25	03.50	03.05	09.80	Đ			Bến Tre
221	270221	Nguyễn Phước	Thịnh	Nam	Son Phú			05.33	06.25	07.35	18.93	Đ			Thành phố Hồ Chí Minh
222	270222	Đoàn Quốc	Thịnh	Nam	Son Phú			01.75	02.25	04.10	08.10	Đ			Bến Tre
223	270223	Nguyễn Trường	Thịnh	Nam	Trường THCS Phước Long			02.33	04.00	05.15	11.48	Đ			Bến Tre
224	270224	Nguyễn Minh	Thông	Nam	Tân Lợi Thạnh			03.00	06.00	08.50	17.50	Đ			Bến Tre
225	270225	Phạm Triệu Nhật	Thông	Nam	Trường THCS Phước Long			06.75	05.00	07.40	19.15	Đ			Bến Tre
226	270226	Nguyễn Thị Minh	Thơ	Nữ	Trường THCS Hưng Phong	1		03.25	04.00	05.50	13.75	Đ			Bến Tre
227	270227	Võ Thị Minh	Thơ	Nữ	THCS Thạnh Phú Đông			06.75	05.75	07.25	19.75	Đ			Bến Tre
228	270228	Nguyễn Bảo	Thuần	Nam	Son Phú			03.75	08.00	07.75	19.50	Đ			Bến Tre
229	270229	Nguyễn Cao Thiên	Thuần	Nam	Trường THCS Phước Long			03.75	02.00	06.00	11.75	Đ			Tiền Giang
230	270230	Huỳnh Anh	Thư	Nữ	Trường THCS Hoàng Lam			03.25	04.00	05.45	12.70	Đ			Bến Tre
231	270231	Nguyễn Ngọc Anh	Thư	Nữ	Trường THCS Phước Long			02.50	03.00	06.10	11.60	Đ			Bến Tre
232	270232	Lê Phương	Trà	Nữ	THCS Thạnh Phú Đông			05.25	04.50	04.10	13.85	Đ			Bến Tre
233	270233	Võ Huỳnh Doan	Trang	Nữ	Trường THCS Phước Long			05.75	07.75	08.75	22.25	Đ			Bến Tre
234	270234	Phạm Thị Thanh	Trang	Nữ	Trường THCS Phước Long			04.50	04.50	07.55	16.55	Đ			Bến Tre
235	270235	Lâm Ngọc Bảo	Trâm	Nữ	Trường THCS Phước Long			03.75	03.00	08.05	14.80	Đ			Bến Tre
236	270236	Phan Thị Bảo	Trâm	Nữ	Son Phú			02.50	03.75	05.10	11.35	Đ			Bến Tre
237	270237	Nguyễn Thị Bích	Trâm	Nữ	Trường THCS Phước Long			02.75	01.75	04.80	09.30	Đ			Bến Tre
238	270238	Lê Thị Huyền	Trâm	Nữ	Trường TH - THCS Nhơn Thạnh			03.00	02.00	03.75	08.75	Đ			Bến Tre
239	270239	Lê Huỳnh Bảo	Trần	Nữ	Trường THCS Hưng Phong	1		04.75	04.25	06.60	16.60	Đ			Bến Tre
240	270240	Cao Phan Bảo	Trần	Nữ	THCS Thạnh Phú Đông			04.00	05.25	05.50	14.75	Đ			Thành phố Hồ Chí Minh
241	270241	Phạm Thị Bảo	Trần	Nữ	Trường THCS Phước Long			07.00	07.25	08.35	22.60	Đ			Bến Tre
242	270242	Phạm Thị Ngọc	Trần	Nữ	Trường THCS Hoàng Lam			05.50	05.00	06.15	16.65	Đ			Bến Tre
243	270243	Nguyễn Minh	Trí	Nam	Trường THCS Phước Long			06.00	02.00	05.15	13.15	Đ			Bến Tre
244	270244	Nguyễn Nhật	Triều	Nam	Trường THCS Thuận Điền			04.25	03.75	07.25	15.25	Đ			Tiền Giang
245	270245	Nguyễn Ngọc Mai	Trinh	Nữ	Trường THCS Phước Long	1		05.25	01.50	04.00	11.75	Đ			Hậu Giang
246	270246	Nguyễn Phan Phương	Trinh	Nữ	Trường THCS Phước Long			04.75	04.75	05.05	14.55	Đ			Thành phố Hồ Chí Minh
247	270247	Trần Bình	Trọng	Nam	Son Phú			04.00	07.25	05.55	16.80	Đ			Bến Tre
248	270248	Phạm Hoàng	Trọng	Nam	Trường THCS Phước Long			05.50	03.50	06.00	15.00	Đ			Bến Tre
249	270249	Lê Minh	Trọng	Nam	Trường THCS Phước Long			04.00	04.00	09.00	17.00	Đ			Bến Tre
250	270250	Đoàn Quốc	Trọng	Nam	Son Phú			02.25	03.00	04.55	09.80	Đ			Bến Tre
251	270251	Trần Thị Minh	Trúc	Nữ	Hoàng Lam			02.25	02.75	02.35	07.35		H		Bến Tre
252	270252	Trần Thị Ngọc	Truyền	Nữ	Son Phú			06.25	08.00	08.75	23.00	Đ			Bến Tre
253	270253	Đỗ	Uyên	Nữ	Trường THCS Phước Long			06.50	04.25	07.15	17.90	Đ			Bình Dương
254	270254	Phan Công	Vinh	Nam	Trường THCS Hưng Phong	1		03.25	03.00	06.25	13.50	Đ			Bến Tre
255	270255	Nguyễn Ngọc Tiểu	Vy	Nữ	Trường THCS Phước Long			06.50	03.25	05.70	15.45	Đ			Bến Tre
256	270256	Nguyễn Ngọc Tường	Vy	Nữ	Son Phú			05.00	06.50	06.90	18.40	Đ			Bến Tre

STT	SBD	HQ VÀ TÊN THÍ SINH	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	TRƯỜNG THCS	Điểm UT	Điểm KK	Điểm thi			Tổng điểm	Kết quả		GHI CHÚ	NƠI SINH
								Ngữ văn (chung)	Tiếng Anh (chung)	Toán (chung)		Đỗ	Hồng Vọng		
257	270257	Trần Nguyễn Thảo Vy	03/07/2010	Nữ	Trường THCS Phước Long			04.58	03.00	05.10	12.68	Đ	1		Bến Tre
258	270258	Nguyễn Phạm Khánh Vy	14/12/2010	Nữ	Trường THCS Phước Long			04.25	04.25	05.65	14.15	Đ	1		Bến Tre
259	270259	Nguyễn Thị Kiều Vy	08/08/2010	Nữ	Son Phú			02.75	03.75	05.00	11.50	Đ	1		Bến Tre
260	270260	Nguyễn Thị Khánh Vy	12/06/2010	Nữ	Trường THCS Hoàng Lam			05.50	04.50	04.80	14.80	Đ	1		Bến Tre
261	270261	Trần Thị Khánh Vy	13/04/2010	Nữ	Trường THCS Phước Long			07.25	05.25	07.05	19.55	Đ	1		Bến Tre
262	270262	Lê Thị Tường Vy	12/08/2010	Nữ	Son Phú			03.75	04.25	05.50	13.50	Đ	1		Bến Tre
263	270263	Phạm Thị Tường Vy	24/04/2010	Nữ	Lương Phú	1		05.75	05.25	05.30	17.30	Đ	1		Kiên Giang
264	270264	Nguyễn Thị Thủy Vy	11/04/2010	Nữ	Trường THCS Phước Long			04.50	03.50	06.00	14.00	Đ	1		Bến Tre
265	270265	Phan Thị Thủy Vy	13/05/2010	Nữ	Son Phú			04.75	02.00	02.00	08.75	Đ	1		Bến Tre
266	270266	Nguyễn Yến Vy	02/11/2009	Nữ	Trường THCS Phước Long			04.00	03.00	04.90	11.90	Đ	1		Bến Tre
267	270267	Nguyễn Thị Bảo Xuyen	31/08/2010	Nữ	Lương Phú	1		03.00	03.75	07.40	15.15	Đ	1		Bến Tre
268	270268	Bùi Ngọc Như Y	09/02/2010	Nữ	Trường THCS Hoàng Lam			06.42	09.00	09.50	24.92	Đ	1		Bến Tre
269	270269	Nguyễn Ngọc Như Y	17/05/2010	Nữ	Trường THCS Hưng Phong	1		02.25	03.25	05.85	12.35	Đ	1		Bến Tre
270	270270	Huỳnh Thị Như Y	30/11/2010	Nữ	Trường THCS Phước Long			05.50	07.00	08.00	20.50	Đ	1		Bến Tre
271	270271	Lâm Nguyễn Hoàng Yên	08/11/2010	Nữ	Trường THCS Phước Long			05.25	04.50	05.05	14.80	Đ	1		Bến Tre
272	360003	Nguyễn Đoàn Quỳnh Anh	05/09/2010	Nữ	THCS Tân Lợi Thanh			05.92	07.75	08.75	22.42	Đ	1		Bến Tre
273	360356	Ngô Lâm Anh Thư	02/09/2010	Nữ	THCS Lương Phú			06.25	07.25	06.65	20.15	Đ	1		Bến Tre
274	260269	Nguyễn Hoàng Phi	27/01/2010	Nam	Lương Phú			03.75	03.50	02.85	10.10	Đ	2		Bến Tre
275		Nguyễn Đông Nhi	18/06/2010	Nữ	THCS Thanh Phú Đông			-	-	-	-	Đ	1	Tuyển thẳng	Bến Tre

Danh sách này có 265 thí sinh đỗ. Điểm chuẩn: 08,10

Sở GD&ĐT duyệt kết quả tuyển sinh trung học phổ thông

Bến Tre, ngày 25 tháng 6 năm 2025

GIÁM ĐỐC



Giồng Trôm, ngày 23 tháng 06 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG



Lê Thanh Danh